

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **416/2024/HNGĐ-ST**  
Ngày: 30/9/2024  
“V/v: Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

**Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

Ông Trần Văn Chánh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà La Nguyễn Minh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:** Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 819/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 328/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 437/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số C, khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số B, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(bà T có đơn xin vắng mặt, ông N vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh N kết hôn vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hòa thuận. Từ năm 2017 đến năm 2024 hai vợ chồng có mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, cách sống. Ông N thường xuyên ăn nhậu đi chơi đêm. Mỗi khi bất hòa thì ông N đập phá đồ đạc: tủ quần áo, nồi cơm điện, cửa kính, laptop, điện thoại,... Bà T đã nhiều lần khuyên can, ông N hứa hẹn sẽ thay đổi chấm dứt tình trạng này nhưng sau đó vẫn tiếp tục lặp lại. Về nuôi con, mặc dù có công việc ổn định nhưng ông N không thường xuyên cấp dưỡng cho con. Nay mâu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/10/2011 và Nguyễn Bảo Trà M sinh ngày 23/5/2023. Ly hôn, bà T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi 02 con 5.000.000đ/tháng (2.500.000đ/tháng/cháu).

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**Bị đơn ông Nguyễn Thanh N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.**

**\* Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T. Bà T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

+ Về con chung: đề nghị giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/10/2011 và Nguyễn Bảo Trà M sinh ngày 23/5/2023 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông N cấp dưỡng nuôi 02 con 5.000.000đ/tháng (2.500.000đ/cháu/tháng).

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về án phí: bà T phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn Thanh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông N.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Thanh N tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 xác định quan hệ hôn nhân của bà T, ông N là hợp pháp. Nay bà T xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

#### **[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà T:**

Bà T xin ly hôn với ông N với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Quá trình chung sống, bà T có nhiều áp lực, mâu thuẫn từ gia đình ông N mà không giải quyết được. Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về địa chỉ của ông N cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T, ông N thì được biết: Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1984 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số B, tổ A, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Ông N hiện đang sinh sống tại địa chỉ trên. Trong thời gian ông N, bà T sống chung tại phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không được biết do ông bà không trình báo.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà T, ông N lên Tòa làm việc, hòa giải để

hàn gắn đoàn tụ nhưng bà T kiên quyết xin ly hôn và ông N vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông N đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình.

Do đó, mâu thuẫn giữa bà T và ông N là có thật, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Nguyễn Thanh N.

**[4] Về con chung:** Bà T, ông N có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/10/2011 và Nguyễn Bảo Trà M sinh ngày 23/5/2023. Ly hôn, bà T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi 02 con 5.000.000đ/tháng (2.500.000đ/tháng/cháu).

Nhận thấy, Tòa án đã lấy ý kiến của cháu Nguyễn Gia B và nguyện vọng của cháu là được ở với bà T. Hiện tại cháu B và cháu M đang sống với bà T. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N để lấy ý kiến về việc chăm sóc con chung nhưng ông N vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến về nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không chứng minh điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo việc ổn định cuộc sống, phát triển toàn diện về thể chất cũng như tinh thần của cháu B và cháu M, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà T về việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên...*, Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.* Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân gia đình quy định: *“Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”*. Điều 3 Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động quy định: Mức lương tối thiểu Vùng I là 4.960.000đ/tháng.

Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung

và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi 02 con 5.000.000đ/tháng (2.500.000đ/tháng/cháu). Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N để lấy ý kiến về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nhưng ông N vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến. Xét thấy, cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên. Do đó, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đảm bảo sự phát triển của cháu B, cháu M, HĐXX buộc ông N cấp dưỡng nuôi 02 con chung 5.000.000đ/tháng (2.500.000đ/cháu/tháng).

**[5] Về tài sản chung:** Bà T khai không có, không yêu cầu giải quyết. Ông N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

**[6] Về nợ chung:** Bà T khai không có, không yêu cầu giải quyết. Ông N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

**[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm:** Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Thanh N phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

**[8]** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điều 203, điều 235, điểm a, b khoản 1 điều 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, 53, 54, 56, 57, 71, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T. Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/10/2011 và Nguyễn Bảo Trà M sinh ngày 23/5/2023 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh N cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000đ (2.500.000đ/cháu/tháng) tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông N được quyền đi lại thăm con không

ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 03001 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ông Nguyễn Thanh N phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSNĐ thành phố Biên Hòa (2);
- THA Dân sự thành phố Biên Hòa (1);
- UBND phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (4);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Thanh Thủy**

